

Số: /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Ban hành quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và
phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính Phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý thanh quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ và Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt”.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1562/QĐ-BGTVT ngày 23/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Vụ trưởng Vụ Tài chính, Chánh Văn phòng Bộ, Giám đốc các Ban quản lý dự án thuộc Bộ, Thủ trưởng các cơ quan Chủ đầu tư và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các Thứ trưởng;
- Bộ Tài chính;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;
- Trang thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, TC (XTr).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Danh Huy

Quy chế chi tiêu cho công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán do Bộ trưởng Bộ GTVT phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày / /2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

- Quy chế này quy định việc chi tiêu cho công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công do Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải phê duyệt quyết toán.

- Nguồn kinh phí sử dụng: Nguồn chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành được Chủ đầu tư thanh toán cho Bộ Giao thông vận tải (đơn vị tiếp nhận là văn phòng Bộ) theo quy định tại Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ và văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có).

2. Đối tượng áp dụng:

Quy chế này được áp dụng cho Vụ Tài chính, Văn phòng Bộ, Chủ đầu tư, các Ban Quản lý dự án và các cơ quan, đơn vị có tham gia công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

Điều 2. Quản lý, sử dụng chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán

- Văn phòng Bộ sử dụng bộ máy kế toán, tài khoản hiện có để tổ chức hạch toán kế toán, tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn kinh phí theo đúng quy định tại Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ.

- Căn cứ nguồn kinh phí tại Điều 1 Quy chế này, Văn phòng Bộ phối hợp với Vụ Tài chính tổ chức thực hiện chi tiêu theo nội dung chi, mức chi quy định tại Điều 3 quy chế này; thực hiện công khai, minh bạch chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán theo chế độ quy định.

Điều 3. Nội dung chi và mức chi

1. Chi trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán, cụ thể như sau:

- Mức chi cho các thành viên Tổ công tác thẩm tra¹, người phê duyệt quyết toán và các cá nhân thuộc cơ quan Bộ được phân công tham

¹ Có Quyết định thành lập theo quy trình thẩm tra, phê duyệt quyết toán ban hành kèm theo Quyết định số Quyết định số 2495/QĐ-BGTVT ngày 11/8/2016 hoặc các Quyết định bổ sung, thay thế (nếu có).

gia hỗ trợ công tác thẩm tra quyết toán được xác định theo công thức sau:

$Ctt = H * Lcs * Ttt * Mht$, trong đó:

Ctt: Mức chi trực tiếp cho từng cá nhân;

H: hệ số lương bình quân của khối cơ quan Bộ tại tháng 12 của năm trước liền kề;

Lcs: mức lương cơ sở do Chính phủ quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang²;

Ttt: thời gian thẩm tra và phê duyệt quyết toán tối đa (tính theo tháng³).

Mht: mức hỗ trợ quy định cụ thể trong bảng dưới đây

Đối tượng hưởng	Người phê duyệt, Tổ trưởng và Tổ viên thường trực	Các tổ viên khác của Tổ công tác	Các cá nhân thuộc cơ quan Bộ được phân công tham gia hỗ trợ công tác thẩm tra quyết toán ⁴
Mức hỗ trợ (Mht)	50%	40%	25%

- Đối với dự án quan trọng Quốc gia hoặc dự án nhóm A, trường hợp phải thẩm tra, phê duyệt quyết toán nhiều đợt, tùy thuộc vào giá trị thẩm tra, phê duyệt mỗi đợt quyết toán, mức chi mỗi đợt được tính bằng mức chi đối với một dự án nhóm B hoặc một dự án nhóm C.

- Tổng mức chi trực tiếp cho công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán cho từng dự án không được vượt quá nguồn kinh phí quy định tại Điều 1 Quy chế này.

2. Chi trả cho các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn thực hiện thẩm tra quyết toán:

Trong trường hợp cần thiết, trên cơ sở đề nghị của Vụ Tài chính và được Lãnh đạo Bộ chấp thuận, Văn phòng Bộ tổ chức ký hợp đồng theo thời gian với các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn để thực hiện một phần công việc thẩm tra quyết toán. Mức chi thanh toán theo hợp đồng và phù

² Từ 01/7/2023 thực hiện theo quy định tại Nghị định số 24/2023/NĐ-CP ngày 14/5/2023 của Chính phủ.

³ Quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP của Chính phủ.

⁴ Số lượng cá nhân tham gia hỗ trợ công tác thẩm tra quyết toán tối đa không quá 07 người đối với dự án quan trọng Quốc gia hoặc dự án nhóm A, 05 người đối với dự án nhóm B và 03 người đối với dự án nhóm C.

hợp với quy định pháp luật có liên quan⁵. Việc thanh lý, quyết toán Hợp đồng và các nội dung Hợp đồng quy định về kinh nghiệm của chuyên gia, tổ chức tư vấn, tiến độ và phạm vi công việc, thời hạn và số lần thanh toán phải được Vụ Tài chính thống nhất bằng văn bản trước khi thực hiện.

3. Chi công tác phí, văn phòng phẩm, dịch thuật, in ấn, hội nghị, hội thảo, mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị phục vụ công tác thẩm tra và phê duyệt quyết toán, cụ thể như sau:

- Chi mua sắm máy tính hoặc trang thiết bị: thực hiện theo quy định tại Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 29/3/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Chi văn phòng phẩm, in ấn tài liệu: theo chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ, phù hợp với quy định hiện hành.

- Chế độ chi công tác phí, chế độ hội nghị, hội thảo: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/04/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

4. Các khoản chi khác có liên quan đến công tác thẩm tra quyết toán, phê duyệt quyết toán, bao gồm:

- Chi dịch vụ công cộng (tiền điện, nước, mạng internet,...): trên cơ sở hóa đơn thực tế và phân bổ theo tỷ lệ.

- Chi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 36/2018/TT-BTC ngày 30/3/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Chi dịch thuật: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Chi cho công tác chỉnh lý hồ sơ: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 03/2010/TT-BNV ngày 29/4/2010 và Thông tư số 12/2010/TT-BNV ngày 26/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

- Chi cho công tác sửa chữa phòng họp, phòng làm việc, kho lưu trữ,...: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 68/2022/TT-BTC ngày 29/3/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Các khoản chi khác (nếu có).

⁵ Hiện nay là Thông tư số 02/2015/TT-BLĐTĐBXH ngày 12/01/2015 của Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH.

5. Tổng mức chi tối đa cho các nội dung chi tại khoản 3, khoản 4 Điều này không vượt quá 60% nguồn kinh phí tại Điều 1 Quy chế này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Khi nhận được Tờ trình đề nghị quyết toán của chủ đầu tư, Vụ Tài chính có trách nhiệm xác định cụ thể chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán, trên cơ sở đó tham mưu văn bản đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán và thông báo để Văn phòng Bộ thực hiện việc tiếp nhận và quản lý nguồn kinh phí. Đối với dự án được bố trí kế hoạch năm cuối nhưng chủ đầu tư đang trong thời gian lập hồ sơ quyết toán theo quy định tại Điều 47 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP, Vụ Tài chính căn cứ chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được duyệt hoặc điều chỉnh của dự án hoặc dự toán (nếu có) để đề nghị chủ đầu tư thanh toán chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán. Sau khi chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được xác định cụ thể, trường hợp số tiền chủ đầu tư đã thanh toán vượt so với chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán được hưởng theo quy định, Văn phòng Bộ thực hiện các thủ tục để chuyển trả chủ đầu tư số tiền đã thanh toán vượt.

2. Căn cứ kết quả thực hiện thẩm tra, phê duyệt quyết toán của từng dự án, Tổ trưởng Tổ công tác (Lãnh đạo Vụ Tài chính được phân công) quyết định mức chi cụ thể và có giấy đề nghị Văn phòng Bộ thực hiện chi trả cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đối với các nội dung chi tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 Quy chế này (trừ khoản chi trực tiếp cho cá nhân thuộc cơ quan Bộ được phân công tham gia hỗ trợ công tác thẩm tra quyết toán) và các nội dung chi khác tại khoản 3, khoản 4 Điều 3 Quy chế này kèm theo hóa đơn, chứng từ hợp lệ (trong trường hợp Vụ Tài chính thực hiện chi).

3. Văn phòng Bộ phân công cụ thể các cá nhân thuộc cơ quan Bộ tham gia hỗ trợ công tác thẩm tra quyết toán để thực hiện chi trả theo định mức nêu tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này; quyết định mức chi tiêu và thực hiện thanh toán đối với các nội dung chi tại khoản 3 và khoản 4 Điều 3 Quy chế này trên cơ sở các hồ sơ chứng từ theo quy định. Các nội dung chi không xác định cụ thể thì Chánh Văn phòng Bộ quyết định tỷ lệ phân bổ trên cơ sở nguồn thu tại Điều 1 Quy chế này.

4. Trường hợp vượt thẩm quyền, các đơn vị cần báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định trước khi thực hiện.

5. Hàng năm, Vụ Tài chính tổng hợp kết quả thực hiện năm liền kề và xây dựng kế hoạch thẩm tra, phê duyệt quyết toán năm kế hoạch gửi Văn phòng Bộ để lập kế hoạch quản lý, sử dụng kinh phí thẩm tra quyết toán. Đối với các dự án đã được phê duyệt quyết toán toàn bộ và không còn nhiệm vụ chi cho

công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán, Văn phòng Bộ có trách nhiệm nộp trả Ngân sách nhà nước các nguồn thu còn dư (nếu có).

Điều 5. Khi các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu để áp dụng tại Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế mới thì áp dụng theo các văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế đó. Căn cứ quy định tại Quy chế này, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện. Trong quá trình thực hiện nếu phát hiện có nội dung chưa phù hợp thì có văn bản gửi về Vụ Tài chính và Văn phòng Bộ để tham mưu Lãnh đạo Bộ sửa đổi, điều chỉnh kịp thời, đảm bảo theo đúng quy định của Nhà nước./.